

Bản án số: 04/2024/HNGĐ - ST

Ngày 26 /01/2024.

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hùng Cường.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Minh Nguyệt.

Ông Đinh Q Hòa.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Ngọc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa.

Ngày 26/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, về việc Hôn nhân gia đình, theo quyết định đa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST- DS ngày 03/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2024/QĐST-DS, ngày 16/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1984.

ĐKHKTT: Cụm 5, xã P, huyện P, t.p Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm: 1976

Nơi thường trú: Số 8A, đường N, phường L, thị xã S, t.p Hà Nội.

Chị H có mặt, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Bùi Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Đỗ Xuân Đ kết hôn ngày 01/4/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND phường xã P, huyện P, Hà Nội. Sau kết hôn thì hầu như vợ chồng không sống cùng với nhau, chị thì ở P còn anh Đ thì ở S, thỉnh thoảng mới gặp nhau rồi ai làm việc đấy. Sau đó chị sinh con thì cũng có về S ở được 05 tháng sau khi sinh, tôi lại về huyện P ở và làm ăn sinh sống cho đến nay. Vợ chồng có mâu thuẫn nặng nề nguyên nhân do không đồng cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, gặp nhau lại cãi nhau to tiếng, có một hai lần anh

Đ cũng có đánh chị. Bên cạnh đó cũng có mâu thuẫn về kinh tế, anh Đ không giúp gì chị trong việc nuôi con, vợ cH đã sống ly thân hoàn toàn không gặp nhau, không nói chuyện với nhau được 07 tháng nay, gia đình cũng có góp ý hòa giải nhưng không được. Chị H xác định không còn tình cảm gì với anh Đ, nên xin được ly hôn.

Về con chung : Chị cùng anh Đ có 02 con chung là Đỗ Q V, sinh ngày: 03/02/2014 và Đỗ Vinh Q, sinh ngày: 03/02/2014, cháu Đỗ Quang V đang ở cùng anh Đ tại S, còn cháu Đỗ Vinh Q đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cháu Đỗ Vinh Q, và đồng ý để anh Đ nuôi cháu Đỗ Quang V. Chị H không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung của vợ cH: Vợ cH không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao, gửi các thông báo, triệu tập anh Đỗ Xuân Đ để giải quyết vụ án nhưng anh Đỗ Xuân Đ không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương và tại gia đình anh Đ thì xác định anh Đ có nơi thường trú tại đường N, phường L, thị xã S, Hà Nội, hiện tại đang lái máy công trình giao thông, và có nhận được các văn bản tố tụng giải quyết vụ án ly hôn, nhưng anh Đ không đến Tòa án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định. Kết quả xác minh xác định anh Đ, chị H có mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, gia đình cũng có góp ý khuyên bảo nhưng không được và đã sống ly thân từ lâu, chị H ở tại huyện P, anh Đ ở tại thị xã S. Chị H, anh Đ có hai con chung như chị H đã trình bày là đúng. Hiện tại cháu Đỗ Q V đang ở cùng anh Đ và mẹ đẻ của anh Đ, cháu Đỗ Q V được chăm sóc, đi học đầy đủ. Gia đình anh Đ cũng có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu Đỗ Q V. Chị H xin ly hôn Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Xuân Đ đã được Tòa án giao, gửi các văn bản tố tụng theo quy định nhưng tại phiên tòa anh Đỗ Xuân Đ vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị H, chị H được ly hôn anh Đỗ Xuân Đ. Về con chung giao cho chị Bùi Thị H được trực tiếp nuôi cháu Đỗ V Q, sinh ngày: 03/02/2014. Giao cho anh Đỗ Xuân Đ được trực tiếp nuôi cháu Đỗ Q V, sinh ngày: 03/02/2014, ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, công sức và nợ chung của, chị H xác định là không có. Anh Đỗ Xuân Đ vắng mặt nên dành quyền yêu cầu giải

quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng anh Đ, chị H bằng một vụ án khác khi anh Đ có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

[1] *Về pháp luật tố tụng:* Tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh Đỗ Xuân Đ đã được Tòa án giao, gửi, các văn bản tố tụng theo quy định nhưng tại phiên tòa anh Đỗ Xuân Đ vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Đỗ Xuân Đ có quyền và nghĩa vụ sau khi xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Xuân Đ kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Đ đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân chị H cho rằng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nặng nề, không đồng cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng cũng đã cố gắng hòa giải, giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn mỗi người một nơi từ lâu.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh Đ có hai con chung là Đỗ Q V, sinh ngày: 03/02/2014 và Đỗ V Q, sinh ngày: 03/02/2014, hiện tại cháu Đỗ Q V đang ở cùng anh Đ tại S, còn cháu Đỗ V Q đang ở cùng chị H tại huyện P. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ V Q, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung và đồng ý để anh Đ được tiếp tục nuôi cháu Đỗ Q V, sinh ngày: 03/02/2014. Hội đồng xét xử xác định cháu Q đã ở ổn định cùng chị H và cháu V cũng đã ở ổn định cùng anh Đ từ lâu, đều được chăm sóc và đi học đầy đủ, chị H và anh Đ đều có điều kiện để nuôi con, đảm bảo được sự phát triển tốt về tâm sinh lý, thể chất, sinh hoạt của các cháu. Vì vậy giao cho chị H được trực tiếp nuôi cháu Đỗ V Q. Giao cho anh Đ được trực tiếp nuôi cháu Đỗ Q V. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, công sức*: Chị Bùi Thị H xác nhận là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Nợ chung*: Chị Bùi Thị H xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa anh Đỗ Xuân Đ không có mặt, do vậy Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho anh Đỗ Xuân Đ bằng một vụ kiện dân sự khác về phần tài sản chung, công sức, nợ chung khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] *Về án phí*: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đỗ Xuân Đ.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Q V, sinh ngày: 03/02/2014 và Đỗ V Q, sinh ngày: 03/02/2014. Giao cho chị Bùi Thị H được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đỗ V Q; Giao cho anh Đỗ Xuân Đ được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đỗ Q V đến khi cháu Đỗ Q V và cháu Đỗ V Q đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Xuân Đ được quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn việc trợ cấp nuôi con chung cho chị H, anh Đ đến khi có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị Bùi Thị H xác định là không có.

4. Gành quyền khởi kiện cho anh Đỗ Xuân Đ bằng một vụ kiện dân sự khác về phần tài sản chung, công sức, nợ chung khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

5. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Bùi Thị H đã nộp tại biên lai thu số 0000772 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Xuân Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX S;
- Chi cục THADS TX S;
- UBND Nơi ĐKKH, ĐKKH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường